

給食 回数	1 年	2 年	3 年
4	4	4	4

8 月（葉月）行事予定

【 家庭向け 】

第 1 週					第 2 週					第 3 週					第 4 週					第 5 週					
B時間割					B時間割					B時間割					B時間割					B時間割					
31 日（月） T&P①音②美③体	○	1	g1	g1	g1	3 日（月）	*	*	*	*	10 日（月）	*	*	*	*	17 日（月）	*	*	*	*	24 日（月） ×	1	行	行	行
		2	g2	g2	g2		*	*	*	*		*	*	*	*		*	*	*	2		授	授	授	
		3	g3	g3	g3		*	*	*	*		*	*	*	*		*	*	*	3		学	学	学	
		4	g4	g4	g4		*	*	*	*		*	*	*	*		*	*	*	4		/	/	/	
		5	g5	g5	g5		*	*	*	*		*	*	*	*		*	*	*	5		/	/	/	
		*	*	*	*		*	*	*	*		*	*	*	*		*	*	*	6		/	/	/	
					4 日（火）	*	*	*	*	11 日（火） 山の日	*	*	*	*	18 日（火） さっぽろっ子サミット	*	*	*	*	25 日（火） ○ 月曜授業 委員会	1	g1	g1	g1	
						*	*	*	*		*	*	*	*		*	*	2	g2		g2	g2			
						*	*	*	*		*	*	*	*		*	*	3	g3		g3	g3			
						*	*	*	*		*	*	*	*		*	*	4	g4		g4	g4			
						*	*	*	*		*	*	*	*		*	*	5	g5		g5	g5			
						*	*	*	*		*	*	*	*		*	*	6	/		/	/			
					5 日（水）	*	*	*	*	12 日（水） 休校日	*	*	*	*	19 日（水） ◇	*	*	*	*	26 日（水） ○	1	s1	s1	s1	
						*	*	*	*		*	*	*	*		*	*	2	s2		s2	s2			
						*	*	*	*		*	*	*	*		*	*	3	s3		s3	s3			
						*	*	*	*		*	*	*	*		*	*	4	s4		s4	s4			
						*	*	*	*		*	*	*	*		*	*	5	s5		s5	s5			
						*	*	*	*		*	*	*	*		*	*	6	総		総	総			
					6 日（木）	*	*	*	*	13 日（木） 休校日	*	*	*	*	20 日（木）	*	*	*	*	27 日（木） ○ 選管 諸費引落日	1	m1	m1	m1	
						*	*	*	*		*	*	*	*		*	*	2	m2		m2	m2			
						*	*	*	*		*	*	*	*		*	*	3	m3		m3	m3			
						*	*	*	*		*	*	*	*		*	*	4	m4		m4	m4			
						*	*	*	*		*	*	*	*		*	*	5	m5		m5	m5			
						*	*	*	*		*	*	*	*		*	*	6	道		道	道			
					7 日（金）	*	*	*	*	14 日（金） 休校日	*	*	*	*	21 日（金）	*	*	*	*	28 日（金） ○	1	n1	n1	n1	
						*	*	*	*		*	*	*	*		*	*	2	n2		n2	n2			
						*	*	*	*		*	*	*	*		*	*	3	n3		n3	n3			
						*	*	*	*		*	*	*	*		*	*	4	n4		n4	n4			
						*	*	*	*		*	*	*	*		*	*	5	n5		n5	n5			
						*	*	*	*		*	*	*	*		*	*	6	/		/	/			
1 日（土）					8 日（土）					15 日（土）					22 日（土）					29 日（土）					
2 日（日）					9 日（日）					16 日（日）					23 日（日）					30 日（日）					

※ 凡例：月…g，火…k，水…s，木…m，金…n。（例えば月1はg1となります。）

給食あり○ 一部学年あり△ 給食なし×